SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 22/05/2026; 15:12:00; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /GPMT-SNNMT

*An Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

# GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

## GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-SNNMT ngày 28/11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy chế biến thủy sản Trung Sơn";*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang tại Tờ trình số 103/TTr-CCBVMT ngày 08/5/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Trung Sơn, địa chỉ tại ấp Bãi Ớt, phường Tô Châu, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Nhà máy chế biến thủy sản Trung Sơn" tại ấp Bãi Ớt, phường Tô Châu, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản Trung Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Bãi Ớt, phường Tô Châu, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701608687 đăng ký lần đầu ngày 21/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/8/2025 do Phòng Doanh nghiệp - Hợp tác đầu tư thuộc Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1701608687.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy, hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 92.763,16 $m^2$.

- Nhóm dự án là nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình sản xuất:

+ Công suất: 4.500 tấn sản phẩm/năm, tương đương 15 tấn sản phẩm/ngày, (trung bình cơ sở hoạt động khoảng 300 ngày/năm) bao gồm các loại sản phẩm: Tôm đông lạnh 2.100 tấn sản phẩm/năm (gồm tôm HOSO đông lạnh, tôm HLSO đông lạnh, tôm Nobashi đông lạnh, tôm Tempura đông lạnh, tôm hấp luộc); trứng cá trích 600 tấn sản phẩm/năm; cá biển các loại phi lê 600 tấn sản phẩm/năm; cá hồi 600 tấn sản phẩm/năm và mực 600 tấn sản phẩm/năm.

+ Quy trình sản xuất tôm HOSO đông lạnh: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Cấp đông → Tách khuôn - Mạ băng → Bao gói → Rà kim loại → Đóng thùng → Bảo quản → Xuất kho.

+ Quy trình sản xuất tôm HLSO đông lạnh: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Sơ chế → Rửa lần 2 → Phân cỡ → Rửa lần 3 → Cân - Vô khuôn → Cấp đông → Tách khuôn - Mạ băng → Bao gói → Rà kim loại → Đóng thùng → Bảo quản → Xuất kho.

+ Quy trình chế biến tôm Nobashi đông lạnh: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Sơ chế → Rửa lần 2 → Phân cỡ → Rửa lần 3 → Lột vỏ, rút tim → Kiểm tra tạp chất → Phân cỡ PTO → Rửa lần 4 → Cắt bụng/duỗi → Cân/Vô bao/Hút chân không → Rà kim loại → Cấp đông → Bao gói/Đóng thùng → Bảo quản/Xuất hàng.

+ Quy trình chế biến tôm Tempura đông lạnh: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Sơ chế → Rửa lần 2 → Phân cỡ → Rửa lần 3 → Lột vỏ, rút tim → Kiểm tra tạp chất → Phân cỡ PTO → Rửa lần 4 → Cắt bụng/duỗi → Tẩm gia vị → Rửa lần 5 → Tẩm bột áo/Tẩm bơ → Chiên → Làm nguội → Chỉnh hình/Cân, xếp khay → Vô bao/Hút chân không → Rà kim loại → Cấp đông → Bao gói/Đóng thùng → Bảo quản/Xuất hàng.

+ Quy trình chế biến tôm hấp luộc: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Sơ chế → Rửa lần 2 → Phân cỡ → Rửa lần 3 → Kiểm tra size - Rút tim → Hấp/luộc → Làm lạnh → Lột vỏ PD/Kiểm tra tạp chất → Rửa lần 4 → Ngâm muối → Cấp đông/Mạ băng → Cân/Vô bao/Ghép mí → Rà kim loại → Đóng thùng → Bảo quản.

+ Quy trình sản xuất trứng cá trích: Tiếp nhận nguyên liệu → Rã đông → Lấy trứng → Rửa lần 1 → Rửa lần 2 → Rửa lần 3 → Để ráo → Kiểm tra tạp chất → Phân loại → Đóng thùng, tẩm muối → Bảo quản.

+ Quy trình sản xuất cá biển phi lê các loại: Nguyên liệu → Rã đông → Cắt đầu, bỏ nội tạng → Fillet → Cắt vây, mang → Chỉnh hình → Nhổ bỏ xương đầu → Chẻ V, nhổ xương → Kiểm xương lần 1 → Kiểm xương lần 2 → Rửa → Kiểm ký sinh trùng → Rắc muối, tiền đông 1 → Kiểm xương, cấp đông nhẹ → Cắt kirimi, vô bao → Kiểm tạp chất, tiền đông 2 → Cấp đông → Lưu kho → Rà kim loại → Kiểm thành phẩm → Đóng thùng, bảo quản.

+ Quy trình sản xuất cá hồi: Nguyên liệu → Rã đông → Cắt vây, lột da → Filler → Chỉnh hình lưng → Nhổ xương bụng → Nhổ xương đầu → Chia lưng/bụng → Kiểm xương đầu → Phơi lưng → Kiểm xương bụng → Chẻ lưng/Cắt lườn → Nhổ xương lưng, kiểm xương 1 → Rửa → Kiểm xương 2 → Vô bao, kiểm hàng → Cấp đông → Lưu kho, kiểm xì → Đóng thùng, bảo quản.

+ Quy trình sản xuất mực: Nguyên liệu → Sơ chế → Rửa → Kiểm tra tạp chất → Cắt khoanh → Rửa → Kiểm tra tạp chất → Cân → Cấp đông → Mạ băng → Bao gói → Rà kim loại → Đóng thùng.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Trung Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Giấy phép môi trường số 2576/GPMT-UBND cấp ngày 17/10/2022 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Tô Châu tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- UBND phường Tô Châu;
- Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang;
- Cổng thông tin điện tử của Sở NN&MT;
- Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Trung Sơn;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, ttluong.

**GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Lê Hữu Toàn**

# Phụ lục 1

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 29 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh, nhà bếp.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất của nhà máy bao gồm nước thải từ khâu sơ chế nguyên liệu, nước vệ sinh nhà xưởng, thiết bị, tiếp nhận nguyên liệu, nước rỉ từ phế thải nguyên liệu.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được xả ra ao chứa nước thải, khi ao đầy nước thải tự chảy ra kênh dẫn ra nguồn tiếp nhận cuối là kênh Cây Me thuộc ấp Bãi Ớt, phường Tô Châu, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tại ao chứa nước thải sau xử lý của nhà máy thuộc ấp Bãi Ớt, phường Tô Châu, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1138565, Y = 505896 *(theo hệ VN 2000 kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu $3^0$).*

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 800 $m^3$/ngày.đêm; 33,33 $m^3$/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được dẫn vào mương quan trắc nước thải tự động, liên tục sau đó chảy vào ống nhựa uPVC D220 mm, dài khoảng 10 m ra ao chứa nước thải sau xử lý.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột C (Bảng 1 và Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

| STT | Thông số ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhiệt độ | °C | ≤ 40 | - | Thực hiện quan trắc tự động, liên tục |
| 2 | pH | - | 6 - 9 | | |
| 3 | Amoni ($NH_4^+$ tính theo N) | mg/L | ≤ 12 | | |
| 4 | Nhu cầu ôxy hóa học (COD) | mg/L | ≤ 130 | | |
| 5 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/L | ≤ 120 | | |
| 6 | Nhu cầu ôxy sinh hóa ($BOD_5$ ở 20°C) | mg/L | ≤ 80 | 06 tháng/lần | - |
| 7 | Tổng Nitơ (T-N) | mg/L | ≤ 60 | | |
| 8 | Tổng Phốt pho (T-P) | mg/L | ≤ 18 | | |
| 9 | Tổng dầu, mỡ động thực vật | mg/L | ≤ 30 | | |
| 10 | Clo dư | mg/L | ≤ 2,0 | | |
| 11 | Tổng Coliform | MPN/100 mL | ≤ 5.000 | | |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh trong nhà xưởng được thu gom bằng các hố ga nổi (có song chắn rác) được bố trí tại các điểm phát sinh nước thải trong nhà xưởng sản xuất, nước thải sau khi thu gom sẽ chảy theo hệ thống đường ống uPVC về hố ga âm sàn có kích thước 1.200mm x 1.200mm, nước thải từ hố ga tiếp tục chảy theo các tuyến cống BTCT D400mm (độ dốc i = 2%) tập trung về các hố ga âm sàn kích thước 2.000mm x 2.000mm, sau đó nước thải tiếp tục chảy theo tuyến cống BTCT D800mm (độ dốc i = 2%) về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh trong xưởng sản xuất sẽ thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó nước thải tự chảy vào hố ga thu gom chung với nước thải sản xuất, sau đó chảy theo tuyến cống BTCT D400mm (độ dốc i = 2%) và tuyến cống BTCT D800mm (độ dốc i = 2%) dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

+ Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở tập thể công nhân viên, khu văn phòng, khu nhà vệ sinh bên ngoài xưởng cũng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó nước thải sẽ chứa trong hố ga và được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Đối với nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, sau đó chảy về hố ga cùng với nước thải sinh hoạt được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 $m^3$/ngày.đêm.

- Công suất thiết kế: 14 bể, tổng dung tích 206 $m^3$ (tại khu văn phòng, khu nhà bếp, xưởng sản xuất, khu nhà vệ sinh bên ngoài nhà xưởng, khu tập thể).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà bếp → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 $m^3$/ngày.đêm.

- Công suất thiết kế: 01 bể, dung tích 10 $m^3$ tại khu vực nhà bếp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể điều hòa → Ống trộn tĩnh → Bể tuyển nổi → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 800 $m^3$/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Chlorine (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc.

- Thông số lắp đặt: Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni, Lưu lượng nước thải (đầu vào, đầu ra).

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt.

- Camera giám sát: Đã lắp đặt.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang để theo dõi, giám sát theo quy định (đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận truyền dữ liệu quan trắc tại Văn bản số 1230/SNNMT-BVMT ngày 07/5/2025).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công ty bố trí 03 bể sự cố có tổng thể tích 930 $m^3$ dùng để chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống xử lý nước thải. Trang bị một số thiết bị dự phòng cho một số máy móc dễ hư hỏng như bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Hàng ngày, thực hiện kiểm tra một số thông số (lưu lượng, nhiệt độ, pH) nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật có chuyên môn và được đào tạo đúng chuyên ngành để tham gia vào quá trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Đối với chất lượng nước thải sau xử lý: Công tác giám sát chất lượng nước thải sau xử lý được thực hiện liên tục, tự động thông qua trạm quan trắc chất lượng nước thải. Số liệu quan trắc được lưu trữ và theo dõi tại Công ty. Trường hợp phát hiện sự cố, cán bộ vận hành sẽ tiến hành khắc phục ngay.

- Khi xảy ra sự cố cần thời gian dài để khắc phục, chủ cơ sở sẽ ngưng sản xuất và thông báo ngay cho đơn vị thi công để kịp thời xử lý, không xả nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận, chỉ cho nhà máy hoạt động trở lại khi sự cố hệ thống xử lý nước thải đã được khắc phục triệt để.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến khoảng 06 tháng sau khi được cấp lại Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 800 $m^3$/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

- Tại vị trí xả nước thải được cấp phép, tọa độ: X = 1138565, Y = 505896 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu $3^0$).*

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) trong giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở về hệ thống xử lý nước thải để xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống thu gom, thoát nước phải được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của cơ sở. Hệ thống xử lý nước thải phải có công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm ổn định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT

ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này khi xả ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 29 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải phải xử lý: Khí thải từ hoạt động của lò hơi.

- Nguồn phát sinh khí thải không phải xử lý: Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 715 kVA (đốt bằng dầu DO).

### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất, phương thức xả khí thải.

- Dòng khí thải tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1138594; Y = 505778 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°30', múi chiếu 3°)* tại Nhà máy chế biến thủy sản Trung Sơn có địa chỉ tại ấp Bãi Ớt, phường Tô Châu, tỉnh An Giang.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 108.000 $m^3$/ngày đêm; 4.500 $m^3$/giờ

- Phương thức xả khí thải: Cưỡng bức, khí thải lò hơi sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải cao 12 m; xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của Nhà máy.

2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C (Bảng 1 và Bảng 2), cụ thể như sau:

| TT | Thông số/Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bụi (PM) | $mg/Nm^3$ | ≤ 60 | Không thuộc đối tượng* | Không thuộc đối tượng |
| 2 | Lưu huỳnh đioxit ($SO_2$) | $mg/Nm^3$ | ≤ 400 | | |
| 3 | Nitơ oxit (NOx, tính theo $NO_2$) | $mg/Nm^3$ | ≤ 450 | | |
| 4 | Cacbon monoxit (CO) | $mg/Nm^3$ | ≤ 450 | | |

(*): Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải của mình.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ lò hơi được quạt hút thu gom bằng đường ống dẫn về tháp hấp thụ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ → Ống khói.

- Công suất thiết kế:

+ Tháp hấp thụ có đường kính 760 cm, cao 1.850 cm. Bên trong tháp có bộ phận phun sương phun dung dịch huyền phù để xử lý khí thải. Lượng huyền phù được lấy từ bể chứa huyền phù thông qua máy bơm nước.

+ Bể chứa huyền phù có kích thước: 330 cm x 110 cm x 100 cm. Bên trong bể được chia thành 2 ngăn với từng chức năng: ngăn chuẩn bị dung dịch huyền phù (nước và $CaCO_3$), ngăn chứa dung dịch huyền phù và lượng cặn lắng $CaSO_4$.

+ Ống khói có chiều cao 12 m.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: $CaCO_3$ (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.2 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố

- Thường xuyên giám sát hệ thống, định kỳ bổ sung hoá chất $CaCO_3$ vào trong hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Kiểm tra, bảo trì hệ thống định kỳ theo kế hoạch bảo trì.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất hoặc công trình phát sinh khí thải gắn với hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, đồng thời tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Máy phát điện dự phòng (công suất 715 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO) không yêu cầu phải kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp phải xử lý, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 29 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải công suất 800 $m^3$/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện, nồi hơi, nhà cơ khí.

- Nguồn số 03: Từ hoạt động của phòng máy nén hệ thống lạnh.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn (đơn vị dBA)

| Khu vực bị ảnh hưởng | Khoảng thời gian | | |
|---|---|---|---|
| | Từ 6 giờ đến trước 18 giờ | Từ 18 giờ đến trước 22 giờ | Từ 22 giờ đến trước 6 giờ |
| Khu vực E | 70 | 65 | 60 |

2.2. Độ rung (đơn vị dB)

| Khu vực bị ảnh hưởng | Khoảng thời gian | |
|---|---|---|
| | Từ 6 giờ đến trước 22 giờ | Từ 22 giờ đến trước 6 giờ |
| Khu vực D | 75 | 70 |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên kiểm tra máy móc (độ mài mòn các chi tiết máy, tra dầu mỡ, bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết mài mòn) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Các máy móc thiết bị được thiết kế với các chân đế, bộ phận chống rung động đảm bảo theo quy định. Công ty thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 29 /GPMT-SNNMT ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 569 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 3.000 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 27 tấn/năm.

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu chứa trong nhà: 01 kho.

- Diện tích kho: 9 $m^2$.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa trong nhà: 01 kho.

- Diện tích kho: 100 $m^2$.

- Đối với phụ phẩm từ quá trình sản xuất được lưu trữ tạm thời tại khu vực riêng biệt trong khu nhà xưởng, diện tích khoảng 36 $m^2$, dụng cụ lưu chứa gồm 10 thùng thùng nhựa loại 300 lít.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, 01 phần bùn được tuần hoàn về bể Anoxic để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải đạt hiệu quả, lượng bùn còn lại được dẫn về bể chứa bùn có thể tích 88 $m^3$ và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

- Bùn thải từ các bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý định kỳ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Không bố trí kho lưu chứa.

- Bố trí các thùng chứa vật liệu HDPE dung tích 240 lít có nắp đậy để chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, sau đó tập kết lại và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

- Thực hiện thu gom định kỳ bùn thải từ hố ga, bể tách mỡ, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 29 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của địa phương. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Ống khói hệ thống xử lý khí thải đảm bảo phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu. Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.